

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 2678/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa; số 4615/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 1002/BVUB-HCQT&CNTT ngày 02/7/2025 của Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 977/TTr-SNNMT ngày 26/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa (địa chỉ: đường Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa tại phường Quảng Phú và phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Quảng Phú và phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 1081/SYT-GPHĐ được Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/5/2019.

1.4. Mã số thuế: 2802483436.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Hoạt động khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 80.032,4 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất hoạt động: 540 giường bệnh.

- Quy trình công nghệ hoạt động: Bệnh nhân đến khám, chữa bệnh → Hướng dẫn làm thủ tục → Khoa khám bệnh → Bệnh nhân nhập viện (điều trị tại các khoa phòng); bệnh nhân không nhập viện → Làm thủ tục thanh toán xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy

định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là **10 năm**.

(từ ngày 05 tháng 8 năm 2025 đến ngày 05 tháng 8 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Hạc Thành, UBND phường Quảng Phú và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Công an tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Hạc Thành;
- UBND phường Quảng Phú;
- Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép số: /GP-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh tại Khối nhà chính (Khối hành chính, thư viện, hội trường đa năng, Khối kỹ thuật nghiệp vụ, khối lâm sàng, cận lâm sàng, bao gồm: Nước thải y tế với lưu lượng phát sinh 44,52 m³/ngày.đêm; Nước thải rửa tay chân, tắm giặt với lưu lượng phát sinh 109,3 m³/ngày.đêm; Nước thải vệ sinh với lưu lượng phát sinh 64,78 m³/ngày.đêm; Nước thải vệ sinh sàn nhà với lưu lượng phát sinh 3,96 m³/ngày.đêm. Tổng lưu lượng nước thải là 222,56 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh tại Nhà ăn Bệnh viện, bao gồm: Nước thải ăn uống với lưu lượng phát sinh 8,0 m³/ngày.đêm; Nước thải vệ sinh sàn nhà với lưu lượng phát sinh 0,14 m³/ngày.đêm. Tổng lưu lượng nước thải là 8,14 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh tại Khu nhà lưu chứa chất thải, bao gồm: Nước thải vệ sinh thiết bị lưu chứa chất thải với lưu lượng phát sinh 2,9 m³/ngày.đêm.

Tổng khối lượng nước thải phát sinh tại bệnh viện là 233,6 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, công suất 450 m³/ngày.đêm, chảy ra mương thoát nước chung (phía Tây Nam bệnh viện).

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương thoát nước chung (phía Tây Nam bệnh viện), thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 dòng nước thải (xử lý nước thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 03) sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, công suất 450 m³/ngày.đêm được chảy ra mương thoát nước chung (phía Tây Nam bệnh viện) thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải như sau: X = 2186541 (m); Y = 580841 (m).

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰)

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép:* 233,6 m³/ngày.đêm, trung bình 9,74 m³/h.

2.4. *Phương thức xả nước thải:*

Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 450 m³/ngày.đêm tự chảy qua đường ống D300 ra mương thoát nước chung (phía Tây Nam bệnh viện), thuộc phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.

Hình thức xả thải: Xả mặt.

2.5. *Chế độ xả nước thải:* Xả liên tục 24 giờ.

2.6. *Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:*

- Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
10	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1		
11	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0		
12	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		
13	Salmonell	Vi khuẩn /100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn /100ml	KPH		

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào

nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, áp dụng đối với lưu lượng xả thải $F \leq 2000 \text{ m}^3/\text{ngày}$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 60		
3	COD	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	$\leq 0,5$		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30		
8	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤ 5.000		
9	Salmonell1	Vi khuẩn /100ml	KPH		
10	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
11	Vibrio cholerae	Vi khuẩn /100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. *Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải*

- Tuyến số 1: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh tại Khối nhà chính → Đường ống D300 → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

- Tuyến số 2: Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt và vệ sinh sàn nhà tại Khối nhà chính → Bể lắng kết hợp keo tụ → Đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

- Tuyến số 3: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, nước thải từ các labo xét nghiệm - nước thải y tế thông thường tại Khối nhà chính → Đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

- Tuyến số 4: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh - nước thải y học hạt nhân tại Khối nhà chính → Bể phân rã phóng xạ → Đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

- Tuyến số 5: Nước thải ăn uống tại nhà ăn bệnh viện → Thiết bị tách dầu mỡ → Đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

- Tuyến số 6: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn nhà tại nhà ăn bệnh viện → Đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

- Tuyến số 7: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị lưu chứa chất thải tại khu nhà lưu chứa chất thải → Đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại: 03 bể tự hoại tại các khu nhà có tổng thể tích 105,3 m³.

- Thiết bị tách dầu mỡ: 01 thiết bị có thể tích 1,0 m³.

- Bể lắng kết hợp keo tụ: 01 bể có thể tích 6 m³.

- Bể phân rã phóng xạ: 01 bể có 4 ngăn với tổng thể tích 120 m³.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: công suất 450 m³/ngày.đêm

Song chắn rác → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Thiết bị lọc hoàn thiện → Bể khử trùng.

+ Hóa chất sử dụng: Methanol/rỉ đường, PAC, NaClO (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự hoại; của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

+ Mương rãnh, hố ga: 03 tháng/lần.

+ Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể lắng; bể chứa bùn (1 lần/năm).

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, cụ thể:

+ Tại hố ga: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn dòng chảy vào hệ thống.

+ Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy

khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

- + Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống...

- Trong trường hợp một hệ thống hoặc cả hai hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục, toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ trong hệ thống, trong trường hợp hệ thống hết chỗ chứa, Bệnh viện hợp đồng đơn vị có chức năng mang đi xử lý, đồng thời nhanh chóng khắc phục hệ thống. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt Quy chuẩn mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, cơ sở thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra ngoài môi trường chưa đáp ứng quy định về chất lượng nước thải được xả thải ra ngoài môi trường, cũng như xả thải vượt quá lưu lượng tối đa cho phép.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có nhật ký vận hành chính thức (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép số: /GP-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ máy nén khí, máy bơm, quạt hút tại trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h - 21h30).
- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.
- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện (khoảng 300 m) và được đặt trong phòng kín.

+ Để máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số: /GP-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (tấn/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại			40,481
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	20,498
2	Chất thải giải phẫu (<i>Chất thải lây nhiễm</i>)	13 01 01	Rắn	2,562
3	Chất thải có khả năng nhiễm phóng xạ (<i>Chất thải lây nhiễm</i>)	13 01 01	Rắn	4,099
4	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/lỏng	3,587
5	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất (<i>Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm</i>)	13 01 05	Rắn	6,149
6	Dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	Rắn/lỏng	2,049
7	Chất thải y tế vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân, cadimin	13 03 02	Rắn	1,537
II	Chất thải nguy hại khác			10,762
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	5,125
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	3,075
3	Bao bì cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composite)	18 01 04	Rắn	2,562
Tổng cộng				51,246

1.2. Chất thải nguy hại phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	Bùn	14,48

- Phương thức quản lí: Bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng phân tích hàm lượng chất thải nếu vượt quy chuẩn về CTNH, hợp đồng xử lý theo CTNH, nếu không vượt, xử lý như chất thải thông thường. Nếu không thực hiện phân tích thì xử lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
I	Chất thải rắn không tái chế	182,41
1	Chất thải rắn sinh hoạt	144,77
2	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	14,48
3	Chất thải rắn thông thường khác	23,16
II	Chất thải rắn tái chế	92,65
1	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	43,43
2	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực	28,95
3	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.	20,27
Tổng cộng		275,06

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Tại các xe tiêm thuốc: Trang bị các hộp kháng thủng (5 lít) màu vàng, thùng rác tròn nắp xoay (5 lít) màu vàng.

+ Tại các khoa phòng: Trang bị các thùng rác 15 lít màu vàng, thùng rác 15 lít màu đen.

+ Tại khoa y học hạt nhân: bố trí các thùng rác đạp chân 15 lít màu đen.

+ Tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Trang bị các thùng chuyên dụng 120 lít, 240 lít màu vàng, màu đen có bánh xe đẩy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Kho chứa CTNH: Diện tích 30 m², có vách ngăn chia làm 2 khu vực.

Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch bao xung quanh, mái đổ BTCT, nền nhà lát gạch men chống trơn trượt, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Kho chứa chất thải nhiễm xạ: Diện tích 45 m².

Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch bao xung quanh, mái đổ BTCT, nền nhà lát gạch men chống trơn trượt. Kho được che chắn đảm bảo suất liều bức xạ trên bề mặt ngoài cửa ra vào, tường kho không vượt quá 0,5μSv/h. Kết cấu tường xây bê tông dày 350 mm bên trong và tường xây gạch thẻ 200 mm bên ngoài, vữa barit dày 1,5 cm. Ở giữa sử dụng tấm chì dày 5mm chắn phóng xạ.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Tại hành lang mỗi tầng của mỗi khu nhà: Đặt các thùng composite dung tích 120 lít màu xanh và màu trắng.

+ Tại mỗi xe tiêm thuốc: Đặt 01 hộp kháng thùng màu xanh (5 lít) và 01 thùng rác màu trắng (5 lít)

+ Tại các phòng khám: Đặt các thùng 5 lít, 15 lít và 60 lít thùng màu xanh và màu trắng

+ Tại các hành lang khoa phòng: Đặt các thùng 5 lít và 15 lít màu xanh và màu trắng.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Nhà lưu giữ chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: Diện tích 40 m².

Thiết kế, cấu tạo: Mái đổ BTCT, nền láng xi măng, tường xây gạch bao xung quanh.

- Nhà lưu giữ chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: Diện tích 30 m².

Thiết kế, cấu tạo: Mái đổ BTCT, nền lát gạch men chống trơn trượt, tường xây gạch bao xung quanh.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT.

2.3.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho chứa CTNH có diện tích 30 m², có vách ngăn chia làm 2 khu vực: Khu vực chất thải nguy hại lây nhiễm và Khu vực chất thải nguy hại không lây nhiễm. Kho chứa có mái đổ BTCT, tường xây gạch bao xung quanh, nền nhà lát gạch men chống trơn trượt, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ.

- Kho lưu chứa chất thải nhiễm phóng xạ có diện tích 45 m². Kho chứa có mái đổ BTCT, tường xây gạch bao xung quanh, nền nhà lát gạch men chống trơn trượt. Kho được che chắn đảm bảo suất liều bức xạ trên bề mặt ngoài cửa ra vào, tường kho không vượt quá 0,5μSv/h. Kết cấu tường xây bê tông dày 350 mm bên trong và tường xây gạch thẻ 200 mm bên ngoài, vữa barit dày 1,5cm. Ở giữa sử dụng tấm chì dày 5mm chắn phóng xạ.

2.3.2. Hệ thống, công trình lưu chứa chất thải rắn thông thường:

- Kho chứa chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế có diện tích 40 m². Kho chứa có mái đổ BTCT, tường xây gạch bao xung quanh, nền láng bê tông.

- Kho chứa chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế có diện tích 30 m². Kho chứa có mái đổ BTCT, tường xây gạch bao xung quanh, nền lát gạch men chống trơn trượt.

2.3.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phải thường xuyên chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý để đảm bảo công suất lưu chứa của kho lưu giữ chất thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126

Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số: /GP-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi bổ sung; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, y tế thông thường và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút ẩm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Tại các khu nhà vệ sinh: Đảm bảo hoạt động tốt các quạt hút đã lắp đặt để hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để

điều hòa vi khí hậu cho bệnh viện.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Đảm bảo bố trí máy phát điện cách xa các tòa nhà khám chữa bệnh, sử dụng nhiên liệu sạch đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của bệnh viện. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này./.